

Số: /TCLN-PTR

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

V/v thông tin dự báo khí tượng  
thủy văn và khuyến cáo mùa vụ  
trồng rừng Quý III năm 2021

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Bản tin dự báo khí tượng thủy văn ngày 15/6/2021 của Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia và cơ sở dữ liệu theo dõi mùa vụ trồng rừng toàn quốc, Tổng cục Lâm nghiệp cung cấp thông tin dự báo khí tượng thủy văn và khuyến cáo mùa vụ trồng rừng Quý III năm 2021 như sau:

### **1. Về thông tin dự báo thời tiết**

- Nhiệt độ và nắng nóng: Từ tháng 7-9/2021, nhiệt độ trên phạm vi toàn quốc phổ biến ở mức cao hơn TBNN khoảng 0,5-1,0<sup>0</sup>C. Các đợt nắng nóng còn xảy ra ở Bắc Bộ và Trung Trung Bộ đến tháng 8/2021.

- Lượng mưa: *Khu vực Bắc Bộ*: Tổng lượng mưa tháng 7-8/2021 phổ biến ở mức thấp hơn từ 5-15%; tháng 9/2021 cao hơn từ 10-20% so với TBNN. *Khu vực Trung Bộ*: tháng 7/2021 tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn từ 10-20% so với TBNN; tháng 8 và tháng 9/2021 phổ biến xấp xỉ so với TBNN. *Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ*: Từ tháng 7-8/2021, tổng lượng mưa tại Tây Nguyên thấp hơn từ 10-20%, Nam Bộ thấp hơn từ 5-15% so với TBNN, tháng 9/2021 phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

- Bão và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm: từ nay đến hết năm 2021 còn khoảng 10-12 cơn bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hoạt động trên Biển Đông, trong đó có khoảng 4-6 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Tiếp tục đề phòng các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, sét, lốc, mưa đá trên phạm vi toàn quốc trong những tháng mùa mưa bão. Ngoài ra đề phòng gió mạnh trên biển do hoạt động của gió mùa Tây Nam ở khu vực Nam Biển Đông từ nay đến tháng 9. Lũ quét, sạt lở đất có nguy cơ xảy ra tại khu vực vùng núi, đặc biệt khu vực Tây Bắc.

- Thủy hải văn: trong tháng 7-8/2021, tình trạng khô hạn, thiếu nước, xâm nhập mặn có khả năng lan rộng tại các tỉnh ven biển Trung Bộ, đặc biệt tại các tỉnh từ Quảng Trị đến Ninh Thuận. Từ tháng 6/2021 do có khả năng gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh nên ở vùng biển ngoài khơi khu vực phía Nam sóng biển có thể đạt 2-3m gây biển động. Vùng ven biển các tỉnh khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cần lưu ý đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng do ảnh hưởng của bão trong tháng 7-9/2021.

## 2. Về mùa vụ trồng rừng

a) Căn cứ cơ sở dữ liệu theo dõi mùa vụ trồng rừng của Tổng cục Lâm nghiệp, thời điểm từ tháng 7 đến tháng 9 là mùa vụ trồng rừng của hầu hết các tỉnh trong cả nước (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

b) Một số loài cây trồng lâm nghiệp chủ yếu:

- Cây gỗ mọc nhanh: các loài Keo, Bạch đàn, Mỡ, Bò đê, Xoan, Tông dù, Tách, Muồng, Xà cừ, Trầu, vv...

- Cây gỗ bản địa: Lát hoa, Sa mộc, Vôi thuốc, Lim xanh, Re gừng, Thông nhựa, Tống quá sủ, Sao đen, Chò chỉ, vv...

- Cây lâm sản ngoài gỗ: Sơn Tra, Quế, Hồi, Trầu, Trám, Mây nếp, Luồng, Tre Bát độ, Giổi xanh, Mắc ca, Cọ khiết, Long não, Dầu rái, Bời lời đỏ, vv...

- Cây trồng ven biển: Bần, Trang, Sú, Đước, Mắm, Cóc, Tràm, Phi lao, vv...

c) Một số yêu cầu kỹ thuật:

- Căn cứ kế hoạch trồng rừng và dự báo khí tượng thủy văn, các tỉnh chủ động chuẩn bị cây giống, hiện trường trồng rừng; tranh thủ trồng rừng vào những ngày râm mát, có mưa ẩm để đảm bảo đạt tỷ lệ cây sống cao; không trồng rừng vào những ngày nắng nóng, hạn hán kéo dài hoặc mưa lũ lớn; trồng rừng ngập mặn vào thời điểm ít có gió mạnh, sóng biển thấp và thủy triều rút.

- Xử lý thực bì, cuốc, lấp hố, trồng, chăm sóc rừng, bón phân, kiểm tra trồng dặm cây chết, vv... đúng hướng dẫn kỹ thuật đối với từng loài cây.

- Rà soát quỹ đất và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 2616/KH-BNN-TCLN ngày 07/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” ở địa phương.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Công điện số 3249/CD-BNN-TCLN ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng; chỉ đạo, hướng dẫn các chủ rừng không sử dụng lửa để đốt dọn thực bì trồng rừng trong thời gian dự báo cháy rừng cấp IV, cấp V ở những nơi dễ xảy ra cháy rừng.

- Chú ý phòng trừ sâu, bệnh hại chủ yếu như: sâu róm Thông, bệnh lở cổ rễ, rơm lá Thông; sâu ăn lá Keo, Mỡ, Bò đê, Quế; bệnh khô lá Sa Mộc; khô lá, đốm lá Thông; đé, mối, chuột ăn cây non, sâu kèn, bệnh phấn trắng và nấm Ceratosystis trên cây Keo; virus thối rễ, mối, xén róc, đé ăn cây Bạch đàn; thối cổ rễ, sâu ăn lá, đục quả Sơn tra; thối măng, sâu vòi voi hại măng Luồng, tre Bát Độ; sâu trắng gây u bướu, con Hà bám thân, cành cây Trang, Bần, Sú, Đước vòi, Mắm; bệnh rỉ sắt cây Tông dù, Cọ Khiết; sâu ăn lá, mối cây Re, Long Não, Lát hoa; sâu vòi voi xanh hại Trám; sâu đo hại Lim xanh; sâu đục thân, rệp sáp, sâu ăn lá Phi Lao; bệnh thán thư Bời lời; sâu cuốn lá, ve sấu hại Sao đen; sâu đục thân Xà cừ, Dầu rái, Long não; sâu ăn cây Dầu rái, Gõ đỏ, vv... Các địa phương cần chủ động theo dõi, phát hiện sớm, báo cáo kịp thời và phối hợp với cơ quan bảo vệ thực vật để phòng, trừ.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ở địa phương triển khai trồng, chăm sóc rừng và cây xanh theo mùa vụ, đảm bảo hiệu quả và hoàn thành kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng năm 2021./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- VP TCLN;
- Cục Kiểm lâm;
- Lưu VT, PTR.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Trần Quang Bảo**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH CÁC TỈNH TRONG MÙA VỤ TRỒNG RỪNG QUÝ III (Tháng 7-9/2021)**  
*(Kèm theo Văn bản số /TCLN-PTR ngày / /2021 của Tổng cục Lâm nghiệp)*

| TT       | Tỉnh               | T7           | T8           | T9           | Các huyện trong thời vụ trồng rừng     | Loài cây trồng chủ yếu  |
|----------|--------------------|--------------|--------------|--------------|--|---|
| <b>I</b> | <b>MN phía Bắc</b> | <b>11/15</b> | <b>10/15</b> | <b>10/15</b> | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b> |   |
| 1        | Hà Giang           |              | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Thông, Mỡ, Bồ đề, Keo tai tượng   |
| 2        | Tuyên Quang        | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Lát, Xoan ta, Mỡ, Bồ đề, Keo tai tượng  |
| 3        | Cao Bằng           |              | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Thông, Hồi, Quế, Tông dù, Sa Mộc, Keo tai tượng, Mỡ, Lát  |
| 4        | Lạng Sơn           | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Thông, Keo, Mỡ, Bạch đàn, Hồi   |
| 5        | Lào Cai            |              |              | X            | H. Mường Khương, Sa Pa                 | Keo, Mỡ, Bạch đàn, Tống quá sủ, Trám, Quế, Lát, Xoan, Sa mộc, Thông mã vĩ, Trấu, Bồ đề                                    |
| 6        | Yên Bái            | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Thông, Sơn tra, Keo, Bồ đề, Mỡ, Bạch đàn, Quế, Tre Bát độ   |
| 7        | Thái Nguyên        | X            |              |              | Toàn tỉnh                              | Keo, Lát hoa, Muồng đen, Mỡ, Lim xanh   |
| 8        | Bắc Kạn            | X            | X            |              | Toàn tỉnh                              | Lát, Thông, Xoan, Trám, Quế, Hồi, Bồ đề, Keo, Mỡ, Giổi xanh   |
| 9        | Phú Thọ            |              | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Keo lai, Keo TT, Bạch đàn, Mỡ, Bồ đề, Re, Lát hoa, Trám   |
| 10       | Bắc Giang          | X            |              |              | H. Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam         | Keo lai, Keo TT, Bạch đàn, Thông  |
| 11       | Quảng Ninh         | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Keo TT, Thông, Đước vôi, Trang, Mắm, Hồi, Sa mộc, Quế   |
| 12       | Hoà Bình           | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Keo TT, Mỡ, Bồ đề, Luồng, Lim xanh, Sấu, Trám, Lát hoa, xoan  |
| 13       | Sơn La             | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Thông mã vĩ, Lát hoa, Bạch đàn, Keo tai tượng, Luồng, Trám, Tếch, Mắc ca  |
| 14       | Điện Biên          | X            |              |              | Toàn tỉnh                              | Cọ khiết, Thông, Keo, Mỡ, Vối thuốc, Bạch đàn, Lát hoa, Giổi xanh, Tông dù, Trám, Sa mộc, Tếch, Tống quá sủ, Pơ mu, Trấu, |

| TT        | Tỉnh             | T7         | T8         | T9         | Các huyện trong thời vụ trồng rừng     | Loài cây trồng chủ yếu   |
|-----------|------------------|------------|------------|------------|--|--|
|           |                  |            |            |            |  | Tô hạp Điện Biên, Xoan ta, Tre, Luồng, Sở, Mắc ca, Sơn tra, Mây nếp, Thảo quả, Sa nhân                                   |
| 15        | Lai Châu         | X          |            |            | Toàn tỉnh                              | Thông mã vĩ, Vối thuốc, Lát hoa, Sơn tra, Bạch đàn, Mỡ, Re, Keo tai tượng, Tống quá sủ, Sấu, Giổi xanh, Quế, Sưa, Mắc ca |
| <b>II</b> | <b>ĐB Bắc Bộ</b> | <b>7/9</b> | <b>9/9</b> | <b>6/9</b> | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b> |  |
| 16        | Hà Nội           | X          | X          | X          | Các huyện có rừng và đất LN            | Keo, Sấu, lim xanh, Re gừng, sao đen   |
| 17        | Hải Phòng        | X          | X          | X          | Các huyện có rừng và đất LN            | Keo các loại, Thông, Dừa, Xoan ta, Bần chua, Trang, Đước vôi   |
| 18        | Hải Dương        | X          | X          |            | TX Chí Linh, H Kinh Môn                | Thông, Lim xanh, Trám trắng và Lát hoa   |
| 19        | Vĩnh Phúc        |            | X          | X          | H. Bình Xuyên, Phúc Yên, Tam Đảo       | Thông, Bạch đàn  |
| 20        | Bắc Ninh         | X          | X          |            | Các huyện có rừng và đất LN            | Lim xanh, Long não, Lát hoa, Giổi xanh, Re gừng, Trám, Sấu, Vối thuốc  |
| 21        | Hà Nam           |            | X          | X          | Các huyện có rừng và đất LN            | Thông, Keo, Bạch đàn, Vải, Nhãn, Na, Xoài  |
| 22        | Nam Định         | X          | X          | X          | Các huyện có rừng và đất LN            | Thông, Keo, Bạch đàn, Phi lao, Trang, Bần, Sứ, Mắm, Đước vôi   |
| 23        | Ninh Bình        | X          | X          |            | Các huyện có rừng và đất LN            | Keo TT, Trang, Bần   |

| TT         | Tỉnh                | T7         | T8         | T9               | Các huyện trong thời vụ trồng rừng  | Loài cây trồng chủ yếu   |
|------------|---------------------|------------|------------|------------------|---|--|
| 24         | Thái Bình           | X          | X          | X                | Thái Thụy, Tiền Hải   | Phi lao, Trang, Bần, Mắm   |
| <b>III</b> | <b>Bắc Trung Bộ</b> | <b>2/6</b> | <b>3/6</b> | <b>6/6</b>       | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b>  |  |
| 25         | Thanh Hoá           | X          | X          | X                | Toàn tỉnh   | Xoan ta, Luồng, Lát hoa, Keo tai tượng, Mỡ, Sao đen, Xoan ta, Trầu, Trám trắng, Tếch, Quế, Thông nhựa, Trang, Đước, Bần, Phi lao, Lim xanh, cao su,... |
| 26         | Nghệ An             | X          | X          | X                | Toàn tỉnh ( <i>tập trung các H. Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Con Cuông</i> ) | Thông, Chè tuyết, keo TT, Bồ đề, mét, Lim xanh, Lát, Sao đen   |
| 27         | Hà Tĩnh             |            |            | X                | Toàn tỉnh   | Keo tai tượng, Thông nhựa, Bạch đàn, Lim xanh, Cồng trắng, Phi lao, Re, hương, Keo Lai, Dó Trầm  |
| 28         | Quảng Bình          |            |            | X                | Toàn tỉnh   | Keo, Thông, Bạch đàn, Lim xanh, Phi lao, Huỷnh, Trám   |
| 29         | Quảng Trị           |            |            | X                | Toàn tỉnh   | Thông, Sao đen, Sến trung, Keo, bời lời  |
| 30         | TT - Huế            |            | X          | X<br>(tập trung) | Toàn tỉnh (H. a Lưới, Nam Đông trồng từ tháng 8)                                | Keo các loại, Thông, Sao đen, Lim xanh, Sến trung, Dầu rái, Lát hoa, Phi lao, Bần, Dừa, Đước, Tràm, Huỷnh, Chò chỉ                                     |
| <b>IV</b>  | <b>Nam Trung Bộ</b> | <b>5/8</b> | <b>4/8</b> | <b>8/8</b>       | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b>  |  |
| 31         | TP. Đà Nẵng         |            |            | X                | Q. Liên Chiểu, Sơn Trà  | Phi lao, Thông, keo  |
| 32         | Quảng Nam           | X          | X          | X                | Toàn tỉnh   | Keo các loại, Sao đen, Lát hoa, Lim xanh, Quế, Phi lao, Dừa nước   |
| 33         | Quảng Ngãi          | X          | X          | X                | Toàn tỉnh   | Keo các loại, Lim xanh, Bời lời đỏ, Phi lao, Quế, Xà cừ, Sao đen, Bần, Cóc trắng   |

| TT        | Tỉnh               | T7         | T8         | T9               | Các huyện trong thời vụ trồng rừng                                    | Loài cây trồng chủ yếu  |
|-----------|--------------------|------------|------------|------------------|---|---|
| 34        | Bình Định          | X          |            | X                | Toàn tỉnh trồng T9; các H. Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, TP Quy Nhơn T7 | Thông, Keo, Sao đen, Dầu rái, Lim xanh, Phi lao, Bần trắng, Mắm trắng, Bạch đàn                       |
| 35        | Phú Yên            |            |            | X                | Toàn tỉnh   | Keo, bạch đàn, Phi lao, sao đen, Xà cừ, dầu rái, thông  |
| 36        | Khánh Hoà          |            |            | X                | Toàn tỉnh   | Thông, Keo, Xà cừ, Dầu rái, Sao đen   |
| 37        | Ninh Thuận         | X          | X          | X                | Toàn tỉnh trồng T9; các H. Bác Ái, Ninh Sơn T7+8                      | Điều, Neem, Keo lai, Lim, Thanh Thất, Xoay, Mắm, Đàng, Trôm   |
| 38        | Bình Thuận         | X          | X          | X                | Toàn tỉnh   | Phi lao, Xoan, keo các loại, bạch đàn   |
| <b>V</b>  | <b>Tây Nguyên</b>  | <b>5/5</b> | <b>5/5</b> | <b>2/5</b>       | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b>                                |   |
| 39        | Đắk Lắk            | X          | X          | X                | Toàn tỉnh   | Cao su, Xoan ta, Thông 3 lá, Sao đen, Xà cừ, Dầu rái, Keo, bạch đàn, Muồng, Gió bầu, Mắc ca           |
| 40        | Đắk Nông           | X          | X          |                  | Toàn tỉnh   | Thông 3 lá, keo lai, bạch đàn, Tếch, Xoan, Mắc ca ...   |
| 41        | Gia Lai            | X          | X          | X<br>(tập trung) | Toàn tỉnh   | Thông, Keo, Bạch đàn, Tếch, Mắc ca  |
| 42        | Kon Tum            | X          | X          |                  | Toàn tỉnh   | Bời lời đỏ, Thông 3 lá, Keo, Bạch đàn, Mắc ca   |
| 43        | Lâm Đồng           | X          | X          |                  | Toàn tỉnh   | Thông 3 lá, Keo, cao su, Dầu rái, Sao đen, Gáo, Bời lời đỏ, Sưa, Muồng, Mắc ca, Chiêu liêu            |
| <b>VI</b> | <b>Đông Nam Bộ</b> | <b>6/6</b> | <b>5/6</b> | <b>4/6</b>       | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b>                                |   |
| 44        | TP.HCM             | X          | X          | X                | Quận 9, Bình Chánh, Củ Chi, Cần Giờ                                   | Mù U, Cà Na, Sao Xanh, Dầu Nước, Gáo, Chiêu Liêu, Bằng Lăng, Trâm, Đước, Đưng, Vẹt, Bần, Cóc, Gõ Biển |
| 45        | Đồng Nai           | X          | X          | X                | Toàn tỉnh   | Sao, Dầu, keo lai   |

| TT         | Tỉnh              | T7           | T8           | T9           | Các huyện trong<br>thời vụ trồng rừng  | Loài cây trồng chủ yếu  |
|------------|-------------------|--------------|--------------|--------------|--|---|
| 46         | Bình Dương        | X            | X            |              | Toàn tỉnh                              | Xà cừ, Tràm, Dầu , Keo, Điều, cao su                                    |
| 47         | Bình Phước        | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Rầu rái, Sao đen, Tếch, Tràm hương, Keo, Tràm                           |
| 48         | Tây Ninh          | X            |              |              | Toàn tỉnh                              | Dầu, xà cừ, Tếch, keo, Cao su, Sao                                      |
| 49         | Bà Rịa - VT       | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Gỗ đỏ, Dầu rái, giáng hương, Chiêu liêu, Keo lai, Sao đen               |
| <b>VII</b> | <b>Tây Nam Bộ</b> | <b>11/11</b> | <b>10/11</b> | <b>7/11</b>  | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b> |   |
| 50         | Long An           | X            | X            |              | Toàn tỉnh                              | Tràm, bạch đàn, Dầu rái, Keo, Sao                                       |
| 51         | Tiền Giang        | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Mắm, Bần, Đước, Đà, Phi lao, dừa nước, tràm                             |
| 52         | Bến Tre           | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Đước, Đưng, Mắm, Bần, Phi lao   |
| 53         | Trà Vinh          | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Đước, Đưng, Mắm, Bần, Phi lao   |
| 54         | Sóc Trăng         | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Đước, Bần, Mắm, tràm cừ, Keo lai  |
| 55         | An Giang          | X            | X            |              | Toàn tỉnh                              | Dầu rái, Sao đen, keo, gỗ đỏ, Tràm, giáng hương, Điều, Sến, Dó bầu      |
| 56         | Hậu Giang         | X            |              |              | Toàn tỉnh                              | Tràm ta, Tràm Úc, Keo lá tràm   |
| 57         | Đồng Tháp         | X            | X            |              | Toàn tỉnh                              | Bạch đàn, Dầu rái, Sao đen, xà cừ, tràm                                 |
| 58         | Kiên Giang        | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Keo, Trai, Dầu rái, Sao đen, xà cừ, gió bầu, hoàng đàn, Mắm, Đước, tràm |
| 59         | Bạc Liêu          | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Phi lao, Xà cừ, Sao đen, Dầu rái, Bằng lăng, Phượng vĩ, Mắm             |
| 60         | Cà Mau            | X            | X            | X            | Toàn tỉnh                              | Keo lai, Tràm, Đước, Mắm, Tra   |
|            | <b>Cộng</b>       | <b>47/60</b> | <b>46/60</b> | <b>43/60</b> | <b>Số tỉnh trong mùa vụ trồng rừng</b> |   |